

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM
MINISTRY OF TRANSPORT
VIETNAM REGISTER

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số (N^o): 24KMC/258976

**GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG NHẬP KHẨU**
(Certificate of conformity from inspection of technical safety quality and
environmental protection for imported transport construction machinery-TCM)

Dùng để làm thủ tục thu phí trước bạ và đăng ký xe (For registration fee and registration formalities)

Tình trạng xe máy chuyên dùng (TCM's status): Đã qua sử dụng

Người nhập khẩu (Importer): CÔNG TY TNHH TÂM MINH NGUYỄN

Địa chỉ (Address): Số 60C, Đường số 22 tháng 12, khu phố Lộc Du, Phường Trảng Bàng, Thị Xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Loại xe máy chuyên dùng (TCM's type): Xe lu rung

Nhãn hiệu (Trade mark): SAKAI

Mã kiểu loại (Model code): HV60ST

Tên thương mại (Commercial name): HV60ST

Số khung (Chassis N^o): VHV1235341

Số động cơ (Engine N^o): E755W0642

Nước sản xuất (Production country): JAPAN

Năm sản xuất (Production year): Không xác định

Số tờ khai hàng hóa nhập khẩu/ngày (Customs declaration N^o/date): 106732682710 / 19/11/2024

Thời gian/địa điểm kiểm tra (Inspection date/site): 13/12/2024 / Tỉnh Bình Dương

Số biên bản kiểm tra (Inspection record N^o): 016745/24MC-076/003

Số đăng ký kiểm tra (Registered N^o for inspection): 016745/24MC

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN (Major technical specification)

Khối lượng bản thân (Kerb mass):	640	kg
Kích thước bao: Dài x Rộng x Cao (Overall dimensions: L x W x H):	2400x680x1170	mm
Ký hiệu, loại động cơ (Engine model, engine type): E75-NB3, 4 kỳ, 1 xi lanh		
Loại nhiên liệu (Fuel): Diesel		
Công suất lớn nhất của động cơ/ tốc độ quay (Max. engine output/ rpm):	3,7/2500	kW/rpm
Vận tốc di chuyển lớn nhất (Max. travelling speed):	3,5	km/h

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG (Special technical specification)

Lực rung lớn nhất (Max vibration force):	11,8	kN
Biên độ rung (Vibration amplitude):	---	mm
Tần số rung (Vibration frequency):	55	Hz
Số lượng/Kích thước bánh lu trước (Quantity/Front roller size):	01 /355x635	mm
Số lượng/Kích thước bánh lu sau (Quantity/Rear roller size):	01 /355x635	mm

Xe máy chuyên dùng đã được kiểm tra và đạt yêu cầu theo Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

This TCM has been inspected and satisfied with requirements of the Circular N^o 89/2015/TT-BGTVT to be issued on December 31st, 2015 by Minister of Ministry of Transport.

(Date) Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2024

Cơ quan kiểm tra
(Inspection body)

TL. CỤC TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG CHẤT LƯỢNG XE CƠ GIỚI
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Hoàng Quân

CQ A 2970340

Lưu ý: Giấy chứng nhận này sẽ không còn giá trị nếu chất lượng của phương tiện đã kiểm tra bị ảnh hưởng do vận chuyển, bảo quản, bốc xếp v.v...
Note: This certificate will be expired if quality of the inspected motor vehicle is influenced by carrying, landing, storing, etc...